TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00926

Trang 1/1

29/8/2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Nguyên vật liệu và sản phẩm gỗ (205916) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 17/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%) 25	Đ2 (%) 25	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết 50%	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09115064	NGUYỄN HỮU	DUY	DH09CB			6,0	7,0	6,5	6,5	6	5
2	09115065	HOÀNG TRƯỜNG	GIANG	DH09CB			6,0	6,0	6,0	6,0	6	0
3	09115016	NGUYỄN DƯƠNG NHẬT	HOÀNG	DH09CB			8,0	7,0	7,5	7,5	7	5
4	09115018	HẤU ĐỨC	HUÂN	DH09CB			6,0	6,0	7,0	6,5	6	5
5	09115025	LÊ THỊ THU	MAI	DH09CB			6,5	6,5	7,0	6,8	6	8
6	09115028	ĐỖ XUÂN	MỪNG	DH09CB			6,5	6,5	6,0	6,3	6	3
7	10115020	TRẦN HOÀI	NAM	DH10CB			6,0	6,0	6,5	6,3	6	3
8	09115033	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	DH09CB			6,5	6,5	6,5	6,5	6	5
9	09115034	LÊ HỒNG	NHUNG	DH09CB		Nhung	7,0	7,0	7,0	7,0	7	0
10	09115069	TRẦN VIỆT	NHỰT	DH09CB			6,5	6,5	6,0	6,3	6	3
11	09115037	NGUYỄN DUY	QUANG	DH09CB			6,5	6,5	7,0	6,8	6	8
12	09115039	BÙI VĂN	SÁNG	DH09CB			8,0	7,0	8,0	7,8	7	8
13	09115045	MAI THÀNH	THAO	DH09CB			6,5	6,5	6,0	6,3	6	3
14	09115048	VÕ THỊ HƯƠNG	THẢO	DH09CB			6,5	6,5	6,5	6,5	6	5
15	09115060	PHẠM QUỐC	TỨ	DH09CB			7,0	7,0	7,5	7,3	7	3

Số bài: 15 ; Số tờ: 15

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Thị Tường Vy

Bùi Thị Thiên Kim

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Hoàng Thị Thanh Hương

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Thị Thanh Hương

Ngày 5 tháng 8 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00898

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Công nghệ trang sức bề mặt gỗ (205529) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 16/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10115009	CAO THỊ THU	THANH	DH10CB			7,5		8,0	7,8	7	8
20	10115027	TRẦN BÙI TRÚC	THƯ	DH10CB			8,0		8,0	8,0	8	0
21	10115010	BÙI TRUNG	TÍN	DH10CB			7,5		8,0	7,8	7	8
22	10169015	LÊ VĂN	TUẤN	DH10GN			7,0		7,0	7,0	7	0
23	11169025	NGUYỄN THỤY TUYẾT	VÂN	DH11GN			8,0		7,5	7,8	7	8
24	10169025	NGUYỄN THỊ TRÚC	VIÊN	DH10GN			7,0		8,0	7,5	7	5
25	10169031	VŨ THỊ HẢI	YẾN	DH10GN			7,0		7,5	7,3	7	3

Số bài: 25 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ. Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Thường Vy

Trần Thị Minh Xuân

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Hoàng Thị Thanh Hường

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Thị Thanh Hường

Ngày 5 tháng 8 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00898

29/8/2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Công nghệ trang sức bề mặt gỗ (205529) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 16/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (50%)	Đ2 (%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10115011	HUỲNH HẠNH MINH	DUNG	DH10CB			7,0		7,0	7,0	7	0
2	10115023	NGUYỄN HOÀNG THẢM	DUYÊN	DH10CB			8,0		7,5	7,3	7	3
3	10115014	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	DH10CB			7,5		7,5	7,5	7	5
4	10115016	BÙI THIÊN	HẢI	DH10CB			7,5		6,0	6,8	6	8
5	10115001	ĐOÀN THỊ	HẠT	DH10CB			7,0		6,5	6,8	6	8
6	10115002	VÕ THỊ XUÂN	HOÀI	DH10CB			7,5		8,0	7,8	7	8
7	10115003	ĐỖ TIẾN	HÙNG	DH10CB			7,0		7,5	7,3	7	3
8	10169040	LÊ VĂN	HÙNG	DH10GN			7,0		6,0	6,5	6	5
9	10169005	NGUYỄN HOÀNG	HƯNG	DH10GN			7,0		7,0	7,0	7	0
10	10115004	NGUYỄN THỊ ÁI	LIÊN	DH10CB			7,5		7,5	7,5	7	5
11	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÙY	LINH	DH10GN			7,0		7,0	7,0	7	0
12	10115017	ĐOÀN VĂN	MẠNH	DH10CB			7,0		6,5	6,8	6	8
13	10115024	BÙI ĐỨC QUANG	MINH	DH10CB			7,0		6,0	6,5	6	5
14	10115020	TRẦN HOÀI	NAM	DH10CB			7,0		8,0	7,5	7	5
15	10169044	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10GN			7,0		7,5	7,3	7	3
16	10115007	NGUYỄN HÀN	NY	DH10CB			8,0		8,0	8,0	8	0
17	10115008	VÕ VĂN TẤN	PHÁT	DH10CB			7,0		7,0	7,0	7	0
18	10169012	LÊ THANH	SANG	DH10GN			8,0		7,0	7,5	7	5

Số bài: 25 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Tường Vy

Đinh Thị Minh Xuân

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Hoàng Thị Thanh Hường

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Thị Thanh Hường

Ngày 5 tháng 8 năm 2013